

Lại nữa, nhóm chư Thiên kia cùng nhau nói: “Đức Thế Tôn ngày trước nơi thành Tỳ-da-ly, hay tại thành Vương xá, hoặc tại nước Xá-vệ và các nơi chốn khác an cư xong, các chúng Tỳ-kheo từ bốn phương cùng trở về thăm hỏi Đức Thế Tôn. Chúng ta nhân đấy, được ở bên đường trông thấy các Tỳ-kheo lễ bái cúng dường, đã lắng nghe lãnh hội kinh pháp, đạt được phước lợi lâu dài. Đức Thế Tôn nay sắp vào Niết-bàn, các chúng Tỳ-kheo Tăng an cư xong, không còn trở về thăm hỏi, vấn an Đức Thế Tôn như trước. Đi qua các chốn cũ, chúng ta cũng không còn ở bên đường trông thấy các Tỳ-kheo lễ bái, cúng dường Phật, được nghe giảng và lãnh hội kinh pháp. Từ nay vĩnh viễn mất đi phước lợi như thế”.

Bấy giờ Đức Như Lai bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, sau khi Ta diệt độ, có thể phát tâm đi đến bốn chỗ liên quan tới Ta thì sẽ đạt được công đức không thể tính kể, đời sau thọ sanh thường được làm thân trời, người, được phước báo an lạc không cùng tận. Bốn nơi ấy là gì?

Vườn Lâm-tỳ-ni, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ, nơi Đản sanh của Như Lai khi là Bồ-tát.

Cội Bồ-đề nơi Ta ngồi xưa kia để thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở nước Ma-kiệt-đà.

Vườn Lộc dã, trụ xứ của tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại, nơi Ta chuyển pháp luân.

Hai cội cây trong rừng Sa-la, bên dòng sông Hy-liên, vùng đất phát sinh các lực sĩ, thuộc nước Cưu-thi-na, nơi Ta vào Niết-bàn.

Đó là bốn chỗ. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và tất cả mọi người, kể cả đồ chúng của ngoại đạo, phát tâm muốn đến bốn chỗ ấy để lễ bái thì sẽ đạt được công đức như trên đã nói.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phật dạy như thế liền bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, từ nay con sẽ truyền lại rộng khắp cho đệ tử bốn chúng biết rõ về nơi chốn ấy, nếu đến lễ bái thì sẽ đạt được công đức như vậy.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Nếu có các hàng Ưu-bà-di phát thiện tâm, khéo giữ giới hạnh, ưa thích nghe kinh pháp, muốn thấy các Tỳ-kheo thì chúng con từ nay sẽ nên xử trí thế nào?

Phật dạy:

–Các vị từ nay chớ nên cùng họ gặp gỡ.

A-nan thưa:

–Khỏi cần gặp gỡ họ, nhưng nếu phải gặp thì nên như thế nào?

Phật dạy:

–Chớ cùng họ nói chuyện.

A-nan thưa:

–Không cùng họ nói chuyện nhưng nếu họ thưa thỉnh muốn được nghe kinh pháp thì phải thế nào?

Phật dạy:

–Nên vì họ giảng nói giáo pháp, song phải khéo thu giữ thân, miệng, ý.

Tôn giả A-nan lại bạch Đức Thế Tôn:

–Chúng con từ nay xin y như vậy mà phụng hành.

Rồi Tôn giả A-nan thưa hỏi:

–Đức Thế Tôn sau khi vào Niết-bàn, phép cúng dường thân xá-lợi nên như thế nào?

Phật dạy:

–Tôn giả nay khỏi phải lo việc này, chỉ nên tự suy nghĩ về cách hộ trì giáo pháp sau khi Ta diệt độ, đem những điều được nghe từ trước, hoan hỷ vì người giảng nói. Vì sao? Vì chư Thiên sẽ đảm nhận lo việc cúng dường thân Ta. Lại còn có các Bà-la-môn, các vị vua, các Trưởng giả, Cư sĩ, những người này sẽ cùng đảm đương công việc cúng dường thân Ta.

A-nan thưa:

–Tuy đã có các hàng trời, người phát tâm cúng dường, nhưng con không biết nên dựa theo pháp nào?

Phật dạy:

–A-nan, muốn cúng dường thân Ta thì theo như pháp cúng dường thân Chuyển luân thánh vương.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

–Cúng dường Chuyển luân thánh vương, pháp ấy như thế nào?

Phật dạy:

–A-nan, pháp cúng dường Chuyển luân thánh vương là: dùng bông mới sạch và lụa mịn cùng quần quanh thân, quần như vậy đủ cả ngàn lớp, đặt thi thể vào kim quan. Lại dùng quách bằng bạc bọc kim quan ở trong.

Rồi quách bằng đồng bọc quách bằng bạc ấy. Dem quách bằng sắt bọc quách bằng đồng. Như vậy, sau mới rưới các thứ dầu thơm, đem các loại hoa hương rải vào trong quan. Sau đó tấu các loại nhạc, ca ngâm tán tụng rồi mới dậy nắp quan. Tiếp, tạo xe báu lớn, cao rộng, có mái che, có lan can, trang trí tôn nghiêm, rồi đặt kim quan lên xe. Lại ở trong thành, tạo chỗ trà tỳ, phải quét dọn bốn bề sạch sẽ, đem gỗ quý chiên đàn và các loại danh hương nhóm lại thành đống lớn, trên đó trải tấm lụa dày, dùng màn trướng báu lớn che ở trên. Sau đó mới đưa xe chở kim quan đến chỗ trà tỳ, đốt hương, rải hoa, tấu nhạc cúng dường, đi nhiều quanh đống hương liệu kia bảy vòng, rồi mới thỉnh kim quan đặt trên đống hương liệu, dùng dầu thơm rưới vào, pháp châm lửa phải bắt đầu từ dưới thấp. Trà tỳ xong, thì thân lấy xá-lợi đặt trong bình vàng, ngay ở chỗ đó nên tạo dựng tháp, xây chùa, trang nghiêm, treo các thứ cờ phướn, lọng báu, đồng đảo dân chúng đến lễ bái thì thường ngày đốt hương, rải hoa cúng dường.

A-nan nên biết, pháp cúng dường bậc Chuyển luân thánh vương, sự việc là như vậy. Trà tỳ thân Ta cùng với vua không khác, nhưng tạo tháp thờ thì khác với nhà vua. Nên tạo tháp, dựng chùa trang nghiêm, treo chín cái lọng. Nếu có chúng sanh treo các thứ cờ phướn, lọng báu, đốt hương rải hoa, thấp đuốc, đèn, lễ bái, tán thán, nơi tháp thờ xá-lợi, thì những người ấy sẽ đạt được phước lợi lớn trong suốt cuộc đời mình. Về sau không lâu, cũng lại có người khác tạo dựng tháp lớn cúng dường thân kia. Tôn giả A-nan nên biết, tất cả chúng sanh đều không có tháp, chỉ có bốn người mới được lập tháp:

Một là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn luôn thương xót chúng sanh, có thể làm ruộng phước tốt nhất cho thế gian, nên tạo dựng tháp thờ.

Hai là bậc Bích-chi-phật, do suy nghĩ về các pháp mà tự giác ngộ cũng có thể làm phước lợi cho dân chúng trong thế gian, nên tạo dựng tháp thờ.

Ba là bậc A-la-hán, tùy chỗ nghe pháp mà suy nghĩ, dứt hết các lậu hoặc, cũng có thể làm phước lợi cho dân chúng trong thế gian, nên tạo dựng tháp thờ.

Bốn là hàng Chuyển luân thánh vương, nhiều kiếp đã vun trồng phước đức sâu dày, có oai đức lớn, là vua của bốn cõi thiên hạ, đầy đủ bảy thứ báu, tự mình thực hành mười điều thiện, lại khuyến khích mọi

người trong bốn cõi thiên hạ cũng thực hành mười điều thiện, nên tạo dựng tháp thờ.

A-nan nên biết, nếu có chúng sanh đem các phẩm vật cúng dường nơi tháp ấy thì người ấy sẽ đạt được phước đức, theo thứ lớp sai biệt từ cao xuống thấp.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy như thế, tâm sanh sầu não, buồn thương khóc lóc, bước lui phía sau cách Phật không xa, than thầm: “Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, ở trong các pháp chưa đạt được nẻo thâm diệu mà Bạc Thầy của trời người sắp bỏ ta để vào Niết-bàn. Ta khi nào mới bước được vào đường giải thoát?”. Than như thế rồi đưa tay vin vào một cành cây, tay kia thì vò đầu, muôn phần xót xa, tuyệt vọng.

Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

–Tôn giả A-nan hiện đang ở đâu?

Các thầy Tỳ-kheo thưa:

–Tôn giả A-nan đang ở cạnh gốc cây, phía sau Đức Như Lai, than khóc một mình.

Phật lại bảo thầy Tỳ-kheo:

–Thầy có thể đến chỗ kia bảo Tôn giả A-nan: “Bạc Thầy của trời người nay muốn thấy Tôn giả”.

Thầy Tỳ-kheo vâng theo lời dạy của Như Lai đến nói với Tôn giả A-nan. Tôn giả nghe xong liền trở về, đến ngay chỗ Phật, cung kính đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả A-nan:

–Những ngày gần đây Ta đã nói với Tôn giả: “Tất cả các hành đều là vô thường, thương yêu gặp gỡ tất phải xa lìa”, ông nay sao còn sanh tâm buồn thương quá thế như vậy? Lại nữa A-nan, ông từ trước đến nay làm thị giả cho Ta, gần gũi, đảm đang mọi việc, tới lui qua lại, sắp xếp khách viếng đều luôn đúng pháp, hợp cách. Lại thấy ông ba nghiệp thân, miệng, ý đều thanh tịnh, không có lỗi lầm, ông đạt được phước lợi thật là vô lượng.

Đức Thế Tôn lại nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Tôn giả A-nan không nên quá buồn thương như vậy. Vì sao vậy? Vì không bao lâu nữa Tôn giả sẽ đạt đến chỗ giải thoát. Các thầy Tỳ-kheo nên biết, chư Phật thời quá khứ đều có thị giả như Tôn giả A-nan hiện nay, các Đức Phật thời vị lai cũng lại như vậy. Các thầy Tỳ-kheo nên biết, Tôn giả A-nan hiện tại là một thị giả có trí tuệ sâu xa, thông minh, lợi căn. Ta từ trước đến nay giảng nói vô số các pháp, Tôn giả A-

nan đều ghi nhớ, giữ gìn không quên.

Lại nữa, các thầy Tỳ-kheo, Tôn giả A-nan khéo biết sắp xếp thời gian các trường hợp tới lui đúng pháp. Nếu có khách muốn đến yết kiến Ta, Tôn giả A-nan đều suy tính trước một cách hợp lý để cho họ được gặp Đức Thế Tôn: khi nào thì dành cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, khi nào thì dành cho các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, khi nào thì đến lượt các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, kể cả các chúng ngoại đạo. Như vậy những vị đến xin gặp Ta và nghe giảng pháp, thấy đều đạt được rất nhiều công đức phước lợi. Vì sao vậy? Vì tất cả đều do Tôn giả A-nan thông báo và dẫn dắt đến gặp Ta đúng lúc, khiến cho họ căn lành được thành tựu trọn vẹn.

Lại nữa, các thầy Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có bốn pháp hy hữu đặc biệt:

Nếu các hàng Bà-la-môn đi đến chỗ ở của Chuyển luân thánh vương, đến nơi thấy dung mạo của vua đoan nghiêm, oai đức lộ rõ, thì sanh tâm hoan hỷ. Lại được nghe vua nói, âm thanh ngôn từ trong suốt thì cũng sanh hoan hỷ, cho đến thấy vua im lặng không nói thì trong lòng cũng phấn khởi. Rồi khi từ giả nhà vua trở về chỗ cũ của mình ai cũng lưu luyến mến mộ, bước từng bước mà buồn thương bứt rứt như người đói khát không được no đủ.

Các vị Sát-lợi.

Các vị Tỳ-xá.

Các vị Thủ-đà-la cũng lại như vậy.

Đó là bốn việc đặc biệt ít có của Chuyển luân thánh vương. Nên biết, Tôn giả A-nan cũng có bốn việc đặc biệt như vậy:

Các thầy Tỳ-kheo từ phương xa trở về, nhằm vấn an thăm hỏi Ta, thứ đến gặp Tôn giả A-nan đều sanh tâm hoan hỷ, nghe Tôn giả nói pháp và gặp lúc lặng thinh, cũng đều vui thích, từ biệt mà đi, đều lưu luyến mến mộ không dứt.

Các vị Tỳ-kheo-ni.

Các hàng Ưu-bà-tắc.

Các hàng Ưu-bà-di cũng lại như vậy.

Các vị nên biết, A-nan có bốn việc đặc biệt như thế. Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nay Tôn giả không nên tự sanh khổ não than thở: “Bậc Thầy của trời, người sắp vào Niết-bàn, Ta nay không còn cơ hội để mong đạt được

giải thoát”. Vì sao? Phàm những gì Ta đã thuyết giảng tức tất cả kho tàng giáo pháp, sau khi Ta diệt độ, phải nên suy nghĩ phụng trì, tinh tấn tu tập, không bao lâu tự mình sẽ đạt được giải thoát.

Lúc ấy Tôn giả A-nan được Đức Như Lai dùng Phạm âm an ủi, nên mọi ưu phiền sầu khổ đã giảm bớt. Tôn giả liền bạch Phật:

–Con nay trong lòng có chút tỉnh ngộ, muốn được thừa thỉnh, kính xin Thế Tôn thương xót.

Đức Phật đáp:

–Tôn giả muốn thừa điều gì cứ nói.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thành Cưu-thi-na này so với các nước lớn rất là xa cách nhỏ hẹp, dân chúng cũng không đông đúc, phồn thịnh. Kính mong Đức Thế Tôn đi đến các nước lớn khác như thành Vương xá, thành Tỳ-da-ly, thành (nước) Xá-vệ, thành Ba-la-nại, thành A-du-xà, thành Chiêm-ba, thành Câu-diệm-di, thành Đức-xoa-thi-la. Các thành như thế dân chúng đông đảo, sung túc, đất nước lại thịnh vượng, an lạc, người nhiều tín tâm, trí tuệ, thông minh. Kính mong Đức Thế Tôn đi đến các thành ấy để vào Niết-bàn, nhân dân trong những thành đó sẽ đạt được lợi ích lớn.

Đức Thế Tôn đáp:

–Tôn giả nay không nên thừa thỉnh Ta mà nói: “Thành Cưu-thi-na này là xa xôi nhỏ hẹp!”. Tôn giả nên lắng nghe, Ta nay sẽ vì ông mà nói rõ. Nay A-nan, về thời quá khứ xa xưa, thành Cưu-thi-na này có vị Chuyển luân thánh vương tên là Đại Thiện Kiến, đầy đủ bảy món báu. Vua có ngàn người con, có năng lực hàng phục giặc oán, đều dùng chánh pháp để giáo hóa muôn dân. Lúc bấy giờ thành ấy có tên là Cưu-thi-bà-đế. Từ cửa Đông đến cửa Tây cách nhau mười hai du-xà-na. Cửa Nam, cửa Bắc cách nhau tám du-xà-na. Bốn mặt đều có bảy lớp thành bao quanh: lớp thứ nhất ở trong thành hoàn toàn dùng bằng vàng, lớp thứ hai xây dựng bằng bạc, lớp thứ ba tạo dựng bằng lưu ly, lớp thứ tư bằng pha lê, lớp thứ năm bằng xa cừ, lớp thứ sáu bằng mã não, lớp thứ bảy do các thứ báu hợp lại tạo nên.

Trong thành, lầu gác có đến bảy tầng, cửa sổ lan can đều dùng bảy báu để chạm trổ, trang trí. Trên cao giăng lưới treo các linh báu, khoảng cách nhau với mặt đường xa một lần tên. Thành có bốn cửa lớn, muốn vào thành phải qua chín lớp cửa đều trang hoàng uy nghiêm, sáng

đẹp, vui mắt. Bên ngoài bảy lớp thành đều có ao nước, nước ấy trong sạch có đủ tám thứ công đức, đều dùng bảy báu để làm bậc thềm. Có các loài chim như: loan, phượng, khổng tước, le le, vịt nước, uyên ương bay lượn lên xuống, nhảy múa ca hát. Nơi ao nước lại có các thứ hoa như Cửu-mâu-đầu, Uất-ba-la, Phân-đà-lợi, hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng màu sắc xen kẽ. Trên bờ thì có bảy hàng cây báu, mỗi hàng cây đều được tạo thành do các loại báu khác nhau. Gió nhẹ thổi qua cành cây, lá kêu xào xạc, âm thanh như nhạc trời. Dân chúng trong thành đều no đủ, an ổn giàu vui, cuộc sống rất là sung túc, năm dục không thiếu cũng như nơi cõi trời Đao-lợi. Trên đường đi treo nhiều hạt ngọc minh châu, dân chúng qua lại không kể đêm ngày.

Thành ấy luôn có mười loại âm thanh: tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng trống, tiếng loa, tiếng của các loại đàn cầm, đàn sắt, tiếng khua chuông, đánh khánh thiết lập đại hội, tiếng ca ngợi những người trì giới, thứ mười là tiếng cùng nhau bàn luận giảng nói Phật pháp.

Vua Đại Thiện Kiến có các uy đức, thân tướng đoan nghiêm bậc nhất, mọi người trông thấy đều kính mến lại được sống lâu, an lạc, thân không tật bệnh. Vua là người nhân từ, thương nhớ tất cả chúng sanh, như người cha yêu mến các con. Tất cả dân chúng luôn tôn kính đức vua cũng như đối với người cha lành.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến những lúc muốn ra khu vườn rừng ngắm cảnh vui chơi, thì cho chỉnh đốn bốn thứ binh chủng, số lượng đến tám vạn bốn ngàn quân. Lại nữa, trong cung, phu nhân và tám vạn bốn ngàn thể nữ cũng được lên xe theo vua cùng đi. Khi ấy vua ra lệnh cho các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ trong nước đều theo đức vua cùng đi dạo chơi. Sửa soạn sắp đặt xa giá xong xuôi, khi ấy vị quan chủ binh vào tâu vua: “Bốn binh chủng đã sẵn sàng, mong đức vua biết thời”. Bấy giờ nhà vua ngự trên xe voi trắng, cùng các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các đại thần, quyến thuộc và bốn binh chủng trước sau vây quanh, đi đến khu vườn rừng, voi đi rất nhanh tựa như gió lướt. Bấy giờ, các vị đại thần, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng can gián vua:

–Đại vương ở lâu trong thâm cung, dân chúng bên ngoài ít có nhân duyên thấy vua. Nay ngài đến khu vườn rừng du ngoạn, tất cả dân chúng đang đứng chật hai bên đường, đều mong muốn được chiêm ngưỡng đại vương. Do việc ấy, mong ngài ra lệnh cho người dẫn đường không cần đi nhanh.

Vua nghe lời liền bảo người hầu nên cho xe đi từ từ, dân chúng hai bên đường mặc sức chiêm ngưỡng đức vua, như con thấy cha. Khi ấy vua trông thấy các nơi ngã tư đường đều bằng phẳng, bảy hàng cây báu la liệt rợp bóng im mát mà thiếu ao nước, vua liền ra lệnh cho một vị quan, bên lề đường tạo các ao bảy báu, khoảng rộng cách nhau đến cả trăm cung, trồng thêm các loại hoa nổi tiếng. Cũng ra lệnh trong mỗi ao đều cho người trông coi giữ gìn. Nếu người đến tắm thì có nước hoa thơm, đồ ăn uống, tùy ý sử dụng, cung cấp như vậy không kể ngày đêm. Lại ra lệnh cho các cận thần: từ nay về sau dân chúng nơi phương xa có đến cầu xin, tùy theo sự cần dùng mà cung cấp cho họ.

Sau khi đến khu vườn rừng, vua cùng các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, đại thần xem cảnh, vui chơi thích thú, cho đến trời chiều; ngọc minh châu chiếu sáng như ban ngày, không còn thấy bóng mặt trời mới biết là ban đêm. Khi ấy vua cùng các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các quan và dân vui chơi xong thì cùng trở về cung.

Một ngày khác, các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng các đại thần đem các thứ châu báu giá trị nổi tiếng dâng lên vua. Đức vua nói:

–Những ngày gần đây ta đi dạo chơi nơi khu vườn rừng, đã bảo các vị đại thần từ đây trở đi có người đến cầu xin thì theo đấy mà cấp cho họ. Ta làm việc bố thí đến như vậy, các khanh sao còn đem vật báu hiến cho ta?

Nhà vua tự nghĩ: “Những người sở dĩ đem vật báu đến dâng cho ta đều là do tài sản của những người giàu sang trong nước. Tài sản ấy đều do người nghèo đem đến”. Vua liền dạy quan giữ kho đem các thứ châu báu và đồ cần dùng để tại ngã tư đường, đánh trống, khua chuông kêu gọi người ở xa trong bốn phương biết: “Nay vua Đại Thiện Kiến mở kho báu để bố thí. Nếu ai cần dùng, tùy ý đến lấy”. Vua thường như vậy, rộng thực hành việc bố thí đem lại lợi ích cho chúng sanh không kể ngày đêm.

Bấy giờ các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ trong nước, cùng các vị đại thần tâu với nhà vua:

–Thưa đại vương, cung điện của đại vương đang ở thật quá chật hẹp. Chúng thần mỗi khi đến thăm hỏi đức vua, đám tùy tùng không có chỗ dung nạp. Kính xin đại vương mở rộng cung điện cho thật rộng lớn.

Vua nghe tâu, lặng yên chấp nhận, tự suy nghĩ: “Ta nay nên mở rộng cung điện thành trì”. Khi ấy trời Đế-thích biết tâm niệm của vua,



liền gọi một vị Thiên tử tên là Tỳ-thủ-kiến-ma rất tài giỏi, làm được mọi việc, đến dạy:

–Nay dưới cõi Diêm-phù-đề, vua Chuyển luân thánh vương tên là Đại Thiện Kiến, muốn mở rộng cung điện, thành trì, ông có thể xuống làm người thợ giỏi, khiến nơi ấy trở thành chốn trang nghiêm đẹp đẽ, chạm trổ, trang hoàng cũng như cung điện của ta không khác.

Vị trời kia vâng lệnh, chỉ trong khoảng thời gian như một tráng sĩ co duỗi cánh tay, đã đến cõi Diêm-phù-đề, đứng ngay trước nhà vua, vua thấy thân tướng của vị thần ấy phong độ đoan nghiêm khác thường, biết chắc là hàng phi phàm nên hỏi:

–Ngài là vị thần ở đâu bỗng nhiên xuất hiện?

Vị trời ấy đáp:

–Đại vương nên biết, tôi là đại thần của trời Đế-thích tên là Tỳ-thủ-kiến-ma, rất quen với nghề xây dựng. Đại vương có ý nghĩ muốn mở rộng cung điện nên trời Đế-thích sai tôi xuống đây đảm nhận công việc trông coi trợ giúp vua.

Vua nghe lời ấy, tâm vô cùng hoan hỷ. Khi ấy vị Thiên tử bắt đầu cho thực hiện việc mở rộng cung điện, thành trì. Thành gồm bốn cửa, khoảng rộng cách nhau hai mươi bốn du-xà-na; vì vua tạo cung điện cao, thấp, rộng, hẹp mỗi bên đều tám du-xà-na, dùng bảy báu để trang trí, tô điểm đẹp đẽ như cung trời Đế-thích. Trong cung điện có tám vạn bốn ngàn phòng riêng để ở, đều có đầy đủ các loại giường màn, đồ nằm bằng bảy báu. Lại vì vua mà kiến tạo điện thuyết pháp cao, thấp, ngang, rộng đều bằng tám du-xà-na, cũng dùng bảy báu để trang hoàng đẹp đẽ, uy nghiêm không khác. Trước cung điện ấy, bốn mặt đều có bảy hàng cây báu cùng trồng các loại hoa nổi tiếng rất ngay ngắn để tạo bóng mát. Lại xây ao báu, nước trong ao thanh khiết, đủ tám thứ công đức. Phần chính giữa cung điện đặt tòa sư tử, bằng bảy báu trang nghiêm, vô cùng cao rộng, dùng màn báu che phủ ở trên, giăng treo bảy báu cùng khắp. Lại vì những người từ bốn phương xa đến nghe pháp, tạo ra bốn loại tòa ngồi bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, số lượng đến tám vạn bốn ngàn cái.

Vị trời Tỳ-thủ-kiến-ma đã vì nhà vua mà tạo lập cung điện, thành trì tất cả đều hoàn tất, bèn từ biệt nhà vua, bỗng nhiên biến khỏi nơi đó trở về cung trời. Bấy giờ vua Đại Thiện Kiến thấy cung điện thành trì xây dựng, trang hoàng đã xong, liền ra lệnh cho quan hầu cận đánh

trống rao gọi khắp trong nước được biết: Vua Đại Thiện Kiến sau bảy ngày sẽ vì mọi người giảng nói chánh pháp, nếu ai muốn nghe đều có thể đến cung điện để nghe.

Khi ấy các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các đại thần và dân chúng nghe lệnh này rồi đều lần lượt quy tụ về tại giảng đường. Lúc đó vua đi tới điện thuyết pháp, bước lên tòa sư tử. Tất cả những người đến nghe pháp cũng đã ngồi yên trên bốn loại tòa báu. Đức vua trước tiên vì mọi người nói pháp mười điều thiện, sau đó lại chỉ bày các pháp môn khác, trải qua đến một vạn hai ngàn năm. Chúng sanh nước ấy nếu đã từng nghe vua nói pháp, đến khi mạng chung đều được sanh lên cõi trời, không còn bị đọa vào ba đường ác.

Này Tôn giả A-nan, vị vua ấy luôn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh như thế. Này A-nan, lúc bấy giờ vua Đại Thiện Kiến đang ở trong tỉnh thất, tâm tự suy nghĩ: “Ta ở trong đời quá khứ đã tạo nghiệp gì, tu tập căn lành gì mà được sanh làm người tôn quý trong đời, có oai đức lớn, dung mạo, sức lực, thọ mạng không ai bằng? Chính là do trong đời quá khứ đã từng rộng tu các phép bố thí, nhẫn nhục, từ bi nên nay mới đạt được phước báo như thế. Vậy ta nay phải dốc tu hành tinh tấn hơn nữa”. Nhà vua tiếp tục tư duy, trong khoảng thời gian không lâu liền đạt được Sơ thiền, cho đến Tứ thiền, và còn tu tập Bốn tâm vô lượng.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến lại còn chỉ dạy cho phu nhân và các thể nữ trong cung đều tu Tứ thiền.

